***Mẫu số 06a***

|  |  |
| --- | --- |
| ***TÊN TỔ CHỨC******\_\_\_\_\_\_\_****Số: …/……….V/v áp dụng thuế suất ưu đãi 0% của nhóm 98.49* | ***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*** *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**Hà Nội, ngày… tháng … năm …* |

*Kính gửi: (1)……………........................*

*Tên tổ chức: (2)...................………....…… ……….........*

*Mã số thuế:…………………............………………………….…………*

*Địa chỉ:……………………………………….........……………………….*

*Số điện thoại:……………………….………; số Fax: ……….....…………..*

*Tên Nhà máy sản xuất, lắp ráp (SXLR) ô tô …………………, công suất sản xuất, lắp ráp ô tô của nhà máy…………………….*

*Nay, (2)…………………… đề nghị được áp dụng thuế suất ưu đãi 0% đối với các mặt hàng linh kiện, ô tô thuộc nhóm 98.49 để SXLR xe ô tô theo Chương trình ưu đãi thuế linh kiện ô tô trong kỳ xét ưu đãi từ ..............đến .../..../...., cụ thể như sau:*

*- Mẫu xe, nhóm xe sản xuất, lắp ráp .......................... đã đăng ký theo Công văn số ............. ngày .............. gửi (1) ..............:*

*- Sản lượng mẫu xe thực tế đã sản xuất, lắp ráp trong kỳ xét ưu đãi: (4).........;*

*- Sản lượng xe thực tế đã sản xuất, lắp ráp trong kỳ xét ưu đãi: (4).........;*

***-*** *Thuộc trường hợp không phải xét sản lượng xe (tích vào ô dưới đây) đối với nhóm xe/mẫu xe .....................đã đăng ký tham gia chương trình ưu đãi thuế theo quy định tại khoản 3.2 và khoản 3.3 Điều 7a.*

*Sản lượng chung tối thiểu* 🞏

*Sản lượng riêng tối thiểu* 🞏

*Sản lượng tối thiểu (đối với trường hợp quy định tại khoản 3.2 Điều 7a)* 🞏

*Các giấy tờ kèm theo công văn này gồm:*

*(3).................................................................*

*(2)................ đề nghị Chi cục hải quan (1)…….......……...kiểm tra để thực hiện áp dụng thuế suất 0% cho Doanh nghiệp./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:****- Như trên;* *- Lưu:* | ***NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC****(Hoặc người được ủy quyền)(Ký tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

*(1): Tên cơ quan hải quan nơi tiếp nhận công văn đăng ký tham gia Chương trình.*

*(2): Tên tổ chức đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi.*

*(3): Các giấy tờ kèm theo công văn thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 7a.*

*(4): Trường hợp doanh nghiệp không đạt điều kiện sản lượng cho kỳ xét ưu đãi thuế 06 tháng cuối năm nhưng tổng sản lượng của cả năm vẫn đáp ứng điều kiện sản lượng của kỳ xét ưu đãi 12 tháng theo quy định của Chương trình ưu đãi thuế thì phải kê khai sản lượng mẫu xe/xe xuất xưởng thực tế của 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm và sản lượng của cả năm.*

|  |
| --- |
| **Mẫu số 06****Tên tổ chức, cá nhân:** **Địa chỉ:** **Mã số thuế:**  |
| **BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LINH KIỆN Ô TÔ NHẬP KHẨU ĐỂ SẢN XUẤT, LẮP RÁP XE** **XUẤT XƯỞNG TRONG KỲ XÉT ƯU ĐÃI** *Kỳ báo cáo: Từ ngày …… đến ngày ……* |
|  |  |  |
|  |   |   |   |  |  |   |   |   |   |  |   |  |
|  **STT**  |  **Tên linh kiện** |  **Mã số (HS)**  |  **Đơn vị tính**  |  **Lượng linh kiện nhập khẩu tồn kho đầu kỳ**  |  **Lượng linh kiện nhập khẩu nhập trong kỳ**  |  **Lượng linh kiện nhập khẩu** **xuất kho trong kỳ**  | **Lượng linh kiện nhập khẩu tồn kho cuối kỳ**  | **Ghi chú** |
| **Mã**  | **Tên**  |  **Sản xuất sản phẩm**  |  **Xuất kho khác**  |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* |  *(10)=(6)+(7)-(8)-(9)*  | *(11)* |
|   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **(10) NGƯỜI LẬP** |  | **(11) NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT****CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** |  |
|  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |  | *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |  |

Cột (2): “Mã” là mã linh kiện do doanh nghiệp tự mã hóa để theo dõi, quản lý.

Cột (6): Là lượng linh kiện cuối kỳ trước được chuyển sang kỳ báo cáo hiện tại (không kê khai các linh kiện tồn đầu kỳ được sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe có Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng phát hành trước ngày 01/01/2020);

Cột (7): Là lượng linh kiện nhập khẩu trong kỳ báo cáo

Cột (8): Là lượng linh kiện thực tế đưa vào để sản xuất sản phẩm

Cột (9): Là lượng linh kiện xuất kho, không đưa vào sản xuất sản phẩm.

 Cột (10): Là lượng linh kiện thực tế tồn tại kho cuối kỳ báo cáo

**Mẫu số 07**

**Tên tổ chức, cá nhân:**

**Địa chỉ:**

**Mã số thuế:**

**BẢNG KÊ TỜ KHAI HẢI QUAN, SỐ TIỀN THUẾ NHẬP KHẨU ĐÃ NỘP**

**Kỳ báo cáo: Từ ngày …. đến ngày ….**

Ngày đăng ký tham gia Chương trình (ngày Chi cục Hải quan tiếp nhận):

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **S****T****T** | **Chi cục Hải quan tiếp nhận tờ khai** | **Số tờ khai** | **Mã loại hình tờ khai** | **Ngày đăng ký tờ khai** | **Tên linh kiện** | **Đơn vị tính** | **Mã số HS hàng hóa** | **Tồn đầu kỳ** | **Nhập khẩu trong kỳ** | **Xuất kho trong kỳ** | **Tồn cuối kỳ** | **Số tiền thuế NK đề nghị hoàn** |
| **Đưa vào sản xuất** | **Xuất kho khác** |
| **Mã** | **Tên** | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp**  | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp**  | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp**  | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp**  | **Số lượng** | **Tiền thuế NK đã nộp**  |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18)=(10)+ (12)-(14)-(16) | (19)=(11)+(13)-(15)-(17) | (20)=(15) |
| 1 |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| 2 |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
|   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |
| **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

 *…………………, ngày … tháng … năm 20...*

 **NGƯỜI LẬP NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**

 *(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

- Cột (6) “Mã”: Mã linh kiện do doanh nghiệp tự mã hóa để theo dõi, quản lý.

- Đơn vị tính tiền thuế: VNĐ.

- Cột (10), (11): Không kê khai tồn đầu kỳ của các linh kiện sản xuất, lắp ráp xe có Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng phát hành trước ngày 01/01/2020